TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 7 - 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hiệu.

2. Bà Đinh Thị Hương - Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, tỉnh Hưng Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Huyền Tr., sinh năm 1986; Địa chỉ: số 5/165 K.T, phường K.T, quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội; *"vắng mặt"*

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Quốc Th., sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: thôn H.C, xã T.C, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Cộng hòa Liên Bang Đức; *"vắng mặt"*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Cháu Hoàng Đức M., sinh ngày 25 tháng 7 năm 2015; Địa chỉ: số 5/165 K.T, phường K.T, quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội; *"vắng mặt"*

Người giám hộ cho cháu M.: Chị Lê Huyền Tr., là mẹ; *"vắng mặt"*

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn S., sinh năm 1953; *"vắng mặt"*

2. Bà Phạm Thị N., sinh năm 1950; *"vắng mặt"*

Đều địa chỉ: thôn H.C, xã T.C, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Vũ Thị Xuân M., sinh năm 1956; Địa chỉ: T.Tr, phường B.T, thành phố N.Đ, tỉnh N.Đ; *"vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Huyền Tr. trình bày: Chị và anh Hoàng Quốc Th. tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.T, thành phố N.Đ, tỉnh N.Đ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Chị và anh Th. chung sống nhưng thường xuyên bất hòa, đến năm 2015 khi chị sinh con được 01 tháng thì anh Th. đi lao động ở Tiệp, Đức. Anh Th. nhiều lần về nước nhưng vợ chồng chỉ gặp nhau một lần, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 nên không còn tình cảm vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th..

Con chung: Chị và anh Th. có 01 con là Hoàng Đức M., sinh ngày 25 tháng 7 năm 2015 đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Th. cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng một tháng.

Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Quốc Th. công nhận lời khai của chị Tr. về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, con chung của vợ chồng và trình bày:

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên to tiếng không tôn trọng nhau, và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 nên không còn tình cảm với nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mỗi người đều có công việc và cuộc sống tách biệt nhau nên anh thuận tình ly hôn với chị Tr.. Khi ly hôn chị Tr. sẽ tiếp tục nuôi con chung là cháu Hoàng Đức M., sinh ngày 25 tháng 7 năm 2015 và anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng một tháng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Đức M. trình bày: Cháu sống cùng mẹ từ nhỏ chưa được gặp bố vì bố đi làm xa không về, khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Người làm chứng ông Hoàng Văn S. và bà Phạm Thị N. là bố, mẹ anh Hoàng Quốc Th. trình bày: Anh Th. và chị Tr. tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.T, thành phố N.Đ, tỉnh N.Đ ngày 10 tháng 10 năm 2014. Anh chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn là do không thống nhất về công việc và nơi cư trú dẫn đến thường to tiếng xúc phạm nhau. Năm 2015

anh Th. đi lao động tại Liên Bang Đức, anh chị phải tự xác định về quan hệ của vợ chồng vì ông, bà đã động viên anh chị thay đổi nghĩ đến con để sống hạnh phúc. Chị Tr. và anh Th. có 01 con chung là cháu Hoàng Đức M., sinh ngày 25/7/2015 khi anh chị ly hôn nhau ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con chung theo thỏa thuận của anh chị. Chị Tr. và anh Th. không liên quan về kinh tế nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị Xuân M., mẹ chị Tr. trình bày: Chị Tr. và anh Th. kết hôn năm 2014, năm 2015 chị Tr. sinh cháu Hoàng Đức M.. Trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm không thể hàn gắn, từ khi sinh cháu M., anh Th. không ở nhà chăm sóc con, không đóng góp xây dựng gia đình, nay anh chị không còn tình cảm, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhau theo nguyện vọng.

Ủy ban nhân dân xã T.C, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Chị Tr. và anh Th. tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.T, thành phố N.Đ, tỉnh N.Đ năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình bố mẹ anh Th., qua tìm hiểu địa phương thấy anh chị trong thời gian chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, mâu thuẫn về kinh tế, về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Năm 2015 anh Th. đi lao động tại Liên Bang Đức, anh chị đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án xác minh về mâu thuẫn của anh chị đẻ giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh Th. và chị Tr. có 01 con chung là cháu Hoàng Đức M., sinh ngày 25 tháng 7 năm 2015. Khi anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ quan điểm của anh chị và nguyện vọng của con để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho cháu M..

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp anh Hoàng Quốc Th., sinh ngày 23/9/1984 tại Hưng Yên, CMND số 145189008; đã sử dụng hộ chiếu số N1801397 để xuất cảnh 19/01/2020 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho chị Lê Huyền Tr. được ly hôn anh Hoàng Quốc Th.. Giao chị Tr. nuôi con chung là Hoàng Đức M., sinh ngày 25/7/2015; anh Th. cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng,

thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu M. thành niên. Không giải quyết về tài sản, nghĩa vụ và công sức của anh chị. Chị Tr. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo văn bản số 13849/QLXNC-P5 ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã có căn cứ xác định bị đơn anh Hoàng Quốc Th. đang sinh sống tại nước ngoài nên là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự và người làm chứng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Lê Huyền Tr. và anh Hoàng Quốc Th. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.T, thành phố N.Đ, tỉnh N.Đ ngày 10 tháng 10 năm 2014 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của anh chị phù hợp với cung cấp của người làm chứng và Ủy ban nhân dân xã T.C đã có căn cứ xác định anh chị đã sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm lo đến nhau từ năm 2015 chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Tr. và anh Th. đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của chị Tr., anh Th. về con phù hợp với nguyện vọng của con và thực tế cháu đã sống ổn định cùng mẹ nên sẽ giao chị Tr. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con là Hoàng Đức M., sinh ngày 25 tháng 7 năm 2015. Quan điểm của anh chị về việc cấp dưỡng nuôi là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên sẽ buộc anh Th. cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với chị Tr. số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023.

[5] Chị Lê Huyền Tr. và anh Hoàng Quốc Th. không yêu cầu về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không giải quyết.

[6] Chị Lê Huyền Tr. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Huyền Tr., xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Huyền Tr. ly hôn anh Hoàng Quốc Th..

2. Con chung: Giao chị Lê Huyền Tr. trực tiếp nuôi con chưa thành niên là Hoàng Đức M., sinh ngày 25 tháng 7 năm 2015.

Công nhận thỏa thuận anh Hoàng Quốc Th. cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với chị Lê Huyền Tr. số tiền 5.000.000 đồng/01 tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 đến khi cháu M. thành niên.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị Tr., anh Th. có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Hoàng Quốc Th. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị Nên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Huyền Tr. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th..

Chị Lê Huyền Tr. và anh Hoàng Quốc Th. hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Huyền Tr. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000267 ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị Tr. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Hoàng Quốc Th. phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Huyền Tr. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Hoàng Quốc

Th. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường B.T, thành phố N.Đ, tỉnh N.Đ;*
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu: VT, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú